TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH CHƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số : 94/2017/HNGĐ-ST
Ngày : 24/7/2017
V/v tranh chấp: " Hôn nhân và gia đình"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà ;* Ông **Nguyễn Trọng Sơn.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà; Phạm Thị Mai

2. Ông; Nguyễn Đăng Lĩnh

- ***Thư ký phiên toà :*** Ông; Nguyễn Bá Anh

Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương*** tham gia phiên tòa :Bà; Nguyễn Thị Phương Thùy - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2017

Tại : Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2017/TLST - HNGĐ ngày 15/5/2017, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06/7/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị; Nguyễn Thị T, sinh năm 1990. Có mặt

Địa chỉ : Xóm 3, xã Thanh T, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn* : Anh; Trần Văn N, sinh năm 1988. Vắng mặt

Địa chỉ : Xóm HL, xã Thanh H, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

3. *Người làm chứng :* Ông: Trần Văn M, sinh năm 1952. Vắng mặt

Địa chỉ : Xóm HL, xã Thanh H, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày như sau :

- *Về hôn nhân* : Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Trần Văn N vào ngày 08/01/2014 trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Thanh T, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống và làm ăn tại Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, đến

tháng 4 năm 2014 thì chuyển về sống tại nhà ngoại ở xóm 3, xã Thanh T, huyện Thanh Chương. Vợ chồng sống tình cảm đến tháng 10/2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Trầm trọng nhất vào ngày 26/10/2014 thì hai vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị Nguyễn Thị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên nguyện vọng xin được ly hôn anh Trần Văn N.

- *Về trách nhiệm nuôi con* : Vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Thu H, sinh ngày 22/10/2014. Ly hôn chị Nguyễn Thị T xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Trần Văn N cấp dưỡng nuôi con.

- *Về chia tài sản chung :* Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Trần Văn N đến Tòa án để làm việc công khai chứng cứ và hòa giải, song anh Trần Văn N đều vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/7/2017 ông Trần Văn M, là bố của anh Trần Văn N trình bày như sau : Ông và con trai là anh Trần Văn N đã nhận đầy đủ các giấy tờ của Tòa án tống đạt, nhưng vì điều kiện nên con trai ông không đến Tòa án được, nên ông có ý kiến như sau, vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn N kết hôn vào ngày 08/01/2014 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh T, huyện Thanh Chương, sau khi kết hôn một thời gian, hai vợ chồng về sống chung với gia đình ông Trần Văn M trên chiếc Thuyền duy nhất được một đêm thì chị Nguyễn Thị T về bên ngoại ở và vào Miền Nam làm ăn, đến tháng 9/2014 mới về bên ngoại ở và sinh con trên nhà ngoại. Nay chị Nguyễn Thị T xin ly hôn con trai ông và gia đình ông hoàn toàn nhất trí như yêu cầu của chị T; về con chung thì hai vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Thu H, sinh ngày 22/10/2014, ly hôn con trai ông nhất trí giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Văn N; về tài sản không có yêu cầu gì.

Tại Đơn xin vắng mặt ngày 07/7/2017 anh Trần Văn N xin phép được vắng mặt không tham gia phiên tòa, vì phải đi làm ăn không về được, anh nhất trí ly hôn với chị Nguyễn Thị T, nhất trí để chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi con, về chia tài sản anh không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến : Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về mặt thủ tục tố tụng. Còn về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Văn N; giao cháu Trần Thu H cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi

con cho anh Trần Văn N; về tài sản không xem xét; chị Tám phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định :

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn là anh Trần Văn N đến Tòa án để hòa giải và công khai chứng cứ cũng như triệu tập xét xử. Song anh Trần Văn N đều vắng mặt không có lý do và có đơn xin xét xử vắng mặt anh Trần Văn N.

Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn N, được xác lập trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 08/01/2014 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh T, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Tình cảm vợ chồng sau khi cưới bình thường được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2014 cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án cũng đã triệu tập nhiều lần để hòa giải, nhưng anh Trần Văn N đều vắng mặt, còn chị Nguyễn Thị T thì một mực xin được ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Văn N.

* Về trách nhiệm nuôi con : Hai đương sự có 01 con chung tên là Trần Thu H, sinh ngày 22/10/2014. Ly hôn chị Nguyễn Thị T xin được nuôi con, Xét thấy cháu Trần Thu H còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, cho nên giao cháu Trần Thu H cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Văn N.

* Về chia tài sản chung : Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết phần tài sản.

* Về án phí : Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào : Khoản 1 Điều 28; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử :

1. *Về hôn nhân* : Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Văn N.

2. *Về trách nhiệm nuôi con* : Giao cho chị Nguyễn Thị T, trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thu H, sinh ngày 22/10/2014.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Văn N.

Anh Trần Văn N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. *Về chia tài sản chung* : Tòa án không xem xét.

4. *Về án phí* : Chị Nguyễn Thị T, phải chịu : 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí xin ly hôn. Chị Nguyễn Thị T được trừ đi 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0001111 ngày 15/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Tuyên bố cho nguyên đơn, có quyền kháng cáo lên Toà án cấp trên trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận :
- *TAND tỉnh Nghệ An*
- *VKS huyện Thanh Chương*
- *Chi cục THA dân sự*
- *Các đương sự*
- *UBND xã Thanh T*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Sơn